

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH TRỊ
TỈNH SÓC TRĂNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 18/2018/DS-ST.

Ngày 19/4/2018

V/v “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH TRỊ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Mai.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thành Dân.

Ông Nguyễn Thanh Tùng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Huỳnh Ni.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trị tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Nguyệt Hân – Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng, tiến hành xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 160/2018/TLST-DS ngày 24 tháng 11 năm 2017, về việc: Tranh chấp hợp đồng tín dụng. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2018/QĐXXST-DS ngày 06/3/2018, giữa:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng E (gọi tắt là Ex). Trụ sở: Tầng 8, văn phòng số L8-01+16, Tòa nhà V, số 72 LT & 47 L T phường B, Quận A, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trang Ngọc Y; Địa chỉ: Số 477 đường TP, Phường G, BL, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Quách Tú T, sinh năm 1980; Địa chỉ: Số 477 đường TP, Phường G, BL, tỉnh Bạc Liêu (có mặt – văn bản ủy quyền số 10/2018/EIB.BL-GUQ ngày 15/01/2018).

- *Bị đơn:* Ông Danh D, sinh năm 1971; Địa chỉ: Ấp 1, xã T Tn, huyện T T, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Lý Phương T, sinh năm 1974; Địa chỉ: Ấp 1, xã T Tn, huyện T T, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

2. Ông Danh Rum Mo N, sinh năm 1996; Địa chỉ: Ấp 1, xã T Tn, huyện T T, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt – có đơn).

3. Bà Lâm Thị P, sinh năm 1967; Địa chỉ: Ấp 2, xã T Tn, huyện T T, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

4. Ông Lâm D; Địa chỉ: Ấp 2, xã T Tn, huyện T T, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện ngày 06/11/2017, quá trình giải quyết và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng E, ông Quách Tú T trình bày: Ông Danh D và bà Lý Phương T đã ký với Ngân hàng E hợp đồng tín dụng số 1504-LAV-201401405, ngày 15/12/2014 vay số tiền 100.000.000 đồng, để mua sắm trang thiết bị vật dụng gia đình, lãi suất 12,6%/năm, lãi suất nợ quá hạn: 150% lãi suất cho vay, thời hạn vay 84 tháng. Theo hợp đồng thỏa thuận phương thức trả nợ gốc 06 tháng/lần vào tháng 3, 9 hàng năm nhưng đến tháng 9/2017, ông D và bà T không thanh toán phần lãi và gốc đến hạn. Sau Ngân hàng khi khởi kiện, ông D và bà T đến Ngân hàng trả tiền vay của phân kỳ tháng 9/2017, tháng 3/2018 và lãi, hiện số tiền vốn mà ông D và bà T còn nợ là 49.857.143 đồng và lãi tính đến ngày xét xử là 630.000 đồng. Do đó, tại phiên tòa Ngân hàng E điều chỉnh yêu cầu khởi kiện là yêu cầu giải quyết buộc ông Danh D và bà Lý Phương T thanh toán tổng số tiền 50.487.143 đồng (vốn: 49.857.143 đồng, lãi tính đến ngày 19/4/2018 là: 630.000 đồng) và lãi phát sinh đến khi ông D và bà T trả xong nợ. Đồng ý cho ông D và bà T được tiếp tục trả vốn theo thời hạn thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số 1504-LAV-201401405, ngày 15/12/2014 và lãi trả hàng tháng. Trường hợp ông Danh D và bà Lý Phương T không trả nợ 01 kỳ hạn nợ gốc và (hoặc) lãi thì đề nghị xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp là quyền sử dụng đất tại thửa 912, tờ bản đồ số 04, tọa lạc ấp 2, xã T Tn, huyện T T, tỉnh Sóc Trăng và thửa 12, tờ bản đồ số 05, tọa lạc ấp 1, xã T Tn, huyện T T, tỉnh Sóc Trăng.

- Quá trình giải quyết và tại phiên tòa bị đơn Danh D trình bày: Tôi đồng ý có vay số tiền 100.000.000 đồng của E, sau khi vay tôi đã trả được một số kỳ, hiện còn nợ lại tiền vay là 49.857.143 đồng và số tiền lãi là 630.000 đồng. Do quá trình vay có vi phạm hợp đồng khi trả vốn, lãi không đúng hạn nên bị Ngân hàng kiện, hiện nay đã khắc phục kỳ tháng 9/2017 và tiếp tục trả vốn vay của kỳ tháng 3/2018, tôi đồng ý với thỏa thuận của Ngân hàng chấp nhận cho trả dần theo kỳ hạn.

- *Quá trình giải quyết và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lý Phương T trình bày:* Tôi thống nhất yêu cầu của Ngân hàng và đồng ý cùng chồng trả tiền vay cho Ngân hàng theo thỏa thuận mà Ngân hàng đưa ra.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lâm Thị P vắng mặt, quá trình giải quyết thì Tòa án có ghi ý kiến như sau:* Trong 02 thửa đất mà vợ, chồng ông D thế chấp Ngân hàng thì thửa 912, tọa lạc ấp 2, xã T Tn, huyện T T, tỉnh Sóc Trăng có cổ cho vợ chồng tôi với số tiền 100.000.000 đồng. Đối với hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất đến hạn chuộc sau khi kết thúc vụ lúa Đông – Xuân 2017, 2018 và việc có yêu cầu giải quyết trong vụ án hay không, tôi cần thời gian bàn bạc với chồng là Lâm D.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lâm D vắng mặt và quá trình giải quyết không có văn bản ghi ý kiến.*

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Danh Rum Mo N (con, hộ gia đình) vắng mặt, quá trình giải quyết có văn bản ghi ý kiến như sau:* Phần đất cha, mẹ thế chấp vay tiền ngân hàng không liên quan đến tôi nên việc xử lý tài sản thế chấp như thế nào là quyền cha, mẹ. Tôi không yêu cầu.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Thẩm phán thực hiện đúng và đầy đủ các quy định về xác định thẩm quyền, quan hệ pháp luật tranh chấp, thu thập chứng cứ, thủ tục tổng đạt văn bản tố tụng, thời hạn chuẩn bị xét xử; Đồng thời tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và thư ký tuân thủ trình tự tố tụng tại phiên tòa, đảm bảo đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ tại tòa.

- Về nội dung: Theo trình bày của ông Danh D và bà Lý Phương T, xác định được ông D có ký với E hợp đồng tín dụng số 1504-LAV-201401405, ngày 15/12/2014 để vay số tiền 100.000.000 đồng, phục vụ mua sắm trang thiết bị vật dụng gia đình với lãi suất 12,6%/năm và lãi suất nợ quá hạn: 150% lãi suất cho vay, thời hạn vay 84 tháng và thỏa thuận phương thức trả nợ gốc 06 tháng/lần vào tháng 3, 9 hàng năm nhưng đến tháng 9/2017, ông D vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Do đó, Ngân hàng khởi kiện thu hồi nợ trước hạn đối với ông D là đúng quy định và có căn cứ. Tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu ông D và bà T hoàn trả số tiền vốn vay 49.857.143 đồng và lãi tính đến ngày xét xử là 630.000 đồng, ông D và bà T đồng ý yêu cầu của nguyên đơn và các đương sự thống nhất thỏa thuận bị đơn D và bà T phải trả vốn theo kỳ hạn thỏa thuận của hợp đồng, lãi trả hàng tháng nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đồng thời công nhận sự thỏa thuận về thời hạn trả tiền vốn vay và lãi

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Nguyên đơn E khởi kiện yêu cầu ông D và bà T thanh toán vốn vay và lãi theo hợp đồng tín dụng số 1504-LAV-201401405, ngày 15/12/2014 là thực hiện quyền khởi kiện quy định tại Điều 4, 5 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn Danh D có địa chỉ thường trú tại huyện T T theo quy định tại Điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì, tỉnh Sóc Trăng. Mục đích bị đơn D vay tiền để mua sắm trang thiết bị, vật dụng gia đình nên Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án dân sự và quan hệ pháp luật để giải quyết là tranh chấp hợp đồng tín dụng theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay bà Lâm Thị P và ông Lâm D vắng mặt không lý do, đây là phiên tòa lần 2, đương sự được triệu tập hợp lệ hai lần và theo đề nghị của các đương sự và Kiểm sát viên, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vụ án vắng mặt những người nêu trên.

[2] *Về nội dung*:

Nguyên đơn E cung cấp bản sao các tài liệu gồm: Hợp đồng tín dụng từng lần số 1504-LAV-201401405 ngày 15/12/2014, bên vay là Danh D và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 296/EIBBL-KHCN/TCTS/2014 ngày 15/12/2014, bên thế chấp là Danh D và Lý Phương T, văn bản đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất ngày 15/12/2014. Bị đơn ông D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà T thừa nhận có ký hợp đồng tín dụng số 1504-LAV-201401405, ngày 15/12/2014 nên căn cứ Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xác định ông D và bà T vay tiền Ex là 100.000.000 đồng, lãi suất 12,6%/năm và lãi suất nợ quá hạn là 150% lãi suất cho vay, thời hạn vay 84 tháng và phương thức trả nợ gốc 06 tháng/lần vào tháng 3, 9 hàng năm là sự thật không phải chứng minh. Xét các bên tiến hành giao kết Hợp đồng trên nguyên tắc tự nguyện, hình thức và nội dung của Hợp đồng tại thời điểm xác lập phù hợp với quy định của pháp luật, các thỏa thuận lãi suất là 12,6%/năm và lãi suất nợ quá hạn là 150% lãi suất cho vay là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 và Điều 1 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam nên Hợp đồng tín dụng trên có giá trị pháp lý và buộc các bên phải thực hiện theo đúng hợp đồng. Trong khi đó, quá trình thực hiện hợp đồng đến phân kỳ tháng 9/2017 thì bị đơn ông D không trả nợ đúng hạn và theo “*Giấy nộp tiền ngày 09/11/2017, số tiền nộp 7.900.000 đồng – bút lục 59*” thì ông D thanh toán nợ theo phân kỳ trễ 54 ngày là vi phạm mục 4.3 phụ lục kèm

theo 1504-LAV- 201401405 ngày 15/12/2014 “*Trường hợp không trả nợ 01 kỳ hạn nợ gốc và (hoặc) lãi mà không được Ex đồng ý cơ cấu lại thời hạn trả nợ, thì số nợ gốc không được trả đúng hạn sẽ bị chuyển quá hạn theo quy định tại mục 2 Phụ lục này và tính lãi suất quá hạn. Đồng thời Ex có quyền thông báo thu hồi nợ trước hạn đối với toàn bộ phần nợ gốc và lãi chưa thanh toán và áp dụng các biện pháp xử lý thu hồi nợ trước hạn*”. Do khi ông D vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay tài sản nên theo quy định khoản 2 Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, yêu cầu của Ex đòi ông D hoàn trả khoản nợ gốc đã vay với số tiền là 49.857.143 đồng và tiền lãi là 630.000 đồng là có căn cứ.

Mặt khác, ông D và bà T là vợ, chồng và đều thừa nhận số tiền vay để phục vụ việc mua sắm thiết bị và nhu cầu thiết yếu của gia đình, cần xác định trách nhiệm thanh toán số tiền vay và lãi mà ông D chưa thực hiện đối với Ex là nghĩa vụ chung của ông D và bà T theo quy định tại Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình. Qua kết quả phân tích như trên thấy rằng đề nghị của Kiểm sát viên là có cơ sở nên Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận, đồng thời ghi nhận sự thỏa thuận của nguyên đơn, bị đơn D và bà T về việc được trả vốn theo kỳ hạn thỏa thuận của hợp đồng, lãi trả hàng tháng. Liên quan đến hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất thửa 912, tọa lạc ấp 2, xã T Tn, huyện T T, tỉnh Sóc Trăng giữa ông D, bà T và ông Lâm D, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về các vấn đề khác:

- *Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ*: Thực chi là 450.000 đồng, yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên theo quy định tại Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự, thì bị đơn ông Danh D và bà Lý Phương T phải liên đới chịu tiền xem xét, thẩm định tại chỗ là 450.000 đồng. Nguyên đơn Ex nộp tiền tạm ứng là 600.000 đồng nên buộc ông Danh D và bà Lý Phương T có nghĩa vụ hoàn trả cho nguyên đơn Ex số tiền 450.000 đồng và nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ còn dư là 150.000 đồng.

- *Về án phí*: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan T không thuộc trường hợp được xem xét giảm, miễn tiền án phí nên phải liên đới chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội là 2.524.357 đồng (50.487.143 đồng x 5%).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 157, Điều 227 và 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91 và khoản 2 Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 688 của

Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Danh D và bà Lý Phương T có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn Ngân hàng E số tiền 50.487.143 đồng (vốn: 49.857.143 đồng, lãi tính đến ngày 19/4/2018 là: 630.000 đồng).

Công nhận sự thỏa thuận của nguyên đơn E, ông Danh D và bà Lý Phương T, cụ thể: ông Danh D và bà Lý Phương T phải trả nợ gốc và lãi theo kỳ hạn quy định tại Điều 4 Hợp đồng tín dụng số 1504-LAV- 201401405 ngày 15/12/2014.

Các ông Danh D và bà Lý Phương T còn phải chịu tiền lãi phát sinh kể từ ngày 20/4/2018 trên phần vốn gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất đã thỏa thuận ghi trong Hợp đồng tín dụng số 1504-LAV- 201401405 ngày 15/12/2014.

Ngân hàng E giao trả cho ông Danh D và bà Lý Phương T: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ 549315 do UBND huyện Thanh Trì cấp cho hộ bà Lý Phương T ngày 11/11/2004 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN 256317 do UBND huyện T T cấp cho ông Danh D ngày 20/03/2013 vào thời điểm ông D và bà T thanh toán xong số tiền nợ.

Trường hợp ông Danh D và bà Lý Phương T không trả nợ đúng thỏa thuận 01 kỳ hạn nợ gốc và (hoặc) lãi thì được xử lý tài sản thế chấp quyền sử dụng đất có diện tích 7.191m² tại thửa 912, tờ bản đồ số 04, tọa lạc ấp 2, xã T Tn, huyện T T, tỉnh Sóc Trăng do ông Danh D đứng tên quyền sử dụng đất và diện tích 10.562m² thửa 12, tờ bản đồ số 05, tọa lạc ấp 1, xã T Tn, huyện T T, tỉnh Sóc Trăng do bà Lý Phương T đứng tên quyền sử dụng đất, theo quy định của pháp luật để trả nợ cho Ngân hàng E.

- Về chi phí tố tụng khác: Bị đơn ông Danh D và bà Lý Phương T phải liên đới chịu tiền án xem xét, thẩm định tại chỗ là 450.000 đồng (mỗi người phải chịu là ½). Buộc ông Danh D và bà Lý Phương T có nghĩa vụ hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng E số tiền 450.000 đồng và nguyên đơn Ngân hàng E được nhận lại tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ còn D là 150.000 đồng.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn Ngân hàng E không phải chịu tiền án phí và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 1.646.300 đồng theo biên lai thu tiền số 0009041 ngày 20/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T T, tỉnh Sóc Trăng.

Bị đơn ông Danh D và bà Lý Phương T phải liên đới chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 2.524.357 đồng.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Nêu ý kiến bản án tại UBND nơi cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp trên xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Thạnh Trị;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Trị;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Trần Thị Thanh Mai